



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM TRAN QUANG DONG
Last Middle First

Current Address: 227/10 Xó Viet Nghe Tinh, Binh Thanh, HCM

Date of Birth: 5/29/51 Place of Birth: Go Cong

Previous Occupation (before 1975) AIR CADET (VNAF) (US TRAINEE)
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From N/A To _____
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: FVPPA
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>Tran Thi Kim Dung</u>	<u>Aunt</u>
<u>Springfield, VA 22153</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

7/29/89 KD

n 1

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

1. *Journal of the American Medical Association*, 1997; 277: 1001-1005.

6. . ADDITIONAL INFORMATION :

THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH
ỦY BAN NHÂN DÂN C.M.
Quận
Phường (Xã)

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu 6788B
Năm 1957

Lập ngày 23 tháng 9 năm 1957

Họ tên	PHẠM THUY TRIỀU
Trai hay gái	Gái
Ngày, tháng, năm sanh	Ngày mười chín, tháng chín, một ngàn chín trăm năm mươi bảy -
Nơi sanh	SAIGON, 53 đường Cồ Giang
Họ tên, quốc tịch cha	PHẠM VĂN TƯ
Họ tên, quốc tịch mẹ	ĐỒNG THỊ ẤT
Cha mẹ có hôn thú không	Vợ chánh.

SAO LỤC

Thành-phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 6 tháng 9 năm 1957
KT. ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



LÂM VĂN XÍU

THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

ỦY BAN ~~BÌNH-DÂN~~ K.M.

Quận _____

Phường (Xã) _____

BẢN-SAO HÔN-THÚ

Số hiệu: 05

Năm 1977

Lập ngày 03 tháng 01 năm 1977

Họ, tên, quốc tịch chồng	TRẦN QUANG ĐỒNG. VN.
Ngày và nơi sinh	29/5/1951, Gò công
Họ tên cha chồng	TRẦN VĂN ỨNG
Họ tên mẹ chồng	TRẦN THỊ NGON
Họ, tên, quốc tịch vợ	PHẠM THÚY TRIỀU. VN.
Ngày và nơi sinh	19/9/1957, Saigon
Họ tên cha vợ	PHẠM VĂN TƯ
Họ tên mẹ vợ	ĐỒNG THỊ ẮT

SAO LỤC 17
THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH, ngày 17 tháng 01 năm 1977
ỦY VIÊN HỘ-TỊCH

Đã làm 2 bản 2

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P 2

Xã, Thị trấn

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 777

Quyển số

Họ và tên	TRẦN-QUANG-PHẠM-DUY		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Hai mươi, tháng hai, năm một nghìn chín trăm bảy bảy.			
Nơi sinh	Quận Ba			
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	TRẦN-QUANG-DŨNG		PHẠM-THÚY-TRIỆU	
Dân tộc	Việt-Nam		Việt-Nam	
Quốc tịch				
Nghề nghiệp				
Nơi ĐKNK thường trú				
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai				

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 23 tháng 02 năm 1977
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ngày 07 tháng 07 năm 1982

TM/UBND ký lên đóng dấu



Signature
Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

KHAI SANH.

Số hiệu : 3037

Ấu nhi :	MAI - THÚC - PHONG /
(Họ, tên)	
Phái :	Nam /
Sanh :	Hai mươi lăm tháng sáu dương-lịch,
(Ngày tháng năm)	Một ngàn chín trăm bảy mươi hai /
Tại :	Bao Sanh THANH-SONG - Biên Hòa
Cha :	MAI - THANH - THUỐC /
(Họ, tên)	
Tuổi :	Ba mươi tuổi
Nghề nghiệp :	Quân-nhân
Cư trú tại :	Sai Gòn
Mẹ :	NGUYỄN - THỊ - TÍNH /
(Họ, tên)	
Tuổi :	Hai mươi tám tuổi
Nghề nghiệp :	Nội trợ
Cư trú tại :	SAI GÒN
Vợ :	Chánh /
Người khai :	Mai - thanh - Thuốc
(Họ, tên)	
Tuổi :	Ba mươi tuổi
Nghề nghiệp :	Quân-nhân
Cư trú tại :	SAI GÒN
Ngày khai :	Hai mươi chín tháng sáu, 1.972
Người chứng thứ nhất :	Ngô - văn - Trọng
(Họ, tên)	
Tuổi :	Bốn mươi hai tuổi
Nghề nghiệp :	Quân - nhân
Cư trú tại :	KBC 3.479
Người chứng thứ nhì :	Trần - huy - Văn
(Họ, tên)	
Tuổi :	Hai mươi bảy tuổi
Nghề nghiệp :	Quân-Nhân
Cư trú tại :	KBC 3.479

Làm tại Bình-Trước ngày 29 tháng sáu năm 1.972

Người khai,

Hộ lại,

Nhân chứng

Mai-thanh-Trước

Nguyễn-văn-Chước

Ngô-văn-Trọng

Trần-huy-Văn

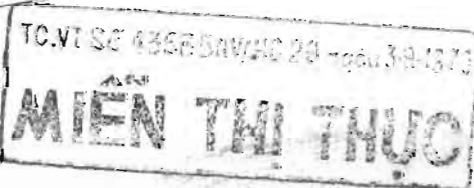
TRÍCH V TRONG SỔ

BÌNH-TRƯỚC, ngày 9 tháng 6 năm 1972

XÃ-TRƯỞNG KINH-TRỊ TIỀN-HỒ-TỊCH



NGUYỄN-VĂN-LỊCH



Đơn-vị { PHÒNG TỔNG QUAN TÀI/TTM
TRUNG TÂM VĂN KHO

BẢN TƯỚNG-MẠO và QUÂN-VỤ

CỦA Sous-lieutenant TRẦN VĂN LING Số quân : 46/101.555

Trích lục theo Quân-bạ, lý-lịch của đương sự

HỌ - TỊCH		NHÂN DẠNG
Sinh ngày	1.927 tại Tap-Ngai	Tóc
Quận		Mắt
Tỉnh	Tra-Vinh	Trán
Nghề nghiệp		Mũi
Con của Ông	TRAN VAN HAO	Khuôn mặt
và Bà	NGUYEN THI SANG	
Ngụ tại	Tap-Ngai	
Quận		
Tỉnh	Tra-Vinh	Cao : 1 thước
Kết hôn ngày	06.2.1950 với cô TRAN THI NGON	
Ngụ tại		Dấu tích đặc biệt :
Quận	Tỉnh Go-Cong	
Giấy phép kết hôn của		

Nguyên lai binh nghiệp (1)

QUÂN - VỤ LIÊN TIẾP

- Incorporer au CIAC comme engage volontaire pour 3 ans au titre de l'Artillerie Coloniale (engagement provisoire et resilliable dans les 3 mois suivant la signature de l'acte ou rendu definitif apres Decision du Chef de Corps a notifier a la SRIS) a/c du 10.8.46. Arrive au Corps le dit jour.
- Engagement provisoire de 3 ans rendu definitif a/c du 10.11.46, en execution des prescriptions de la NDS No 2700/1/A en date du 9.11.46 du Genesuper.
- Passe a l'AD.3 a/c du 1.12.46 par AM No 7106/AC du 26.11.46 du Colonel, Cdt de l'Artillerie des FTEO et AM No 1731/CIAC en date du 6.12.46.
- Nomme a la 1ere classe a/c du 1.4.47 par Ordre No 38 en date du 1.4.47 du 261e GFTA.
- Mute au 4e RAC a/c du 16.6.47 par NDS No 10518/1/0 en date du 9.5.47 du Genesuper.
- Nomme Brigadier a/c du 1.10.47 par Ordre du Corps No 83 du 29.9.47.
- Affecte au 261e GFTA a/c du 1.12.46.

...../2.....

(1) Ghi rõ nếu xuất thân ở các trường Võ-bị sau đây : Fréjus Phả lại, Tông, Huế, Võ-Bị Liên-Quân Đà-Lạt, Trù-bị Thủ Đức, Võ-Bị Địa-Phương hay được thăng cấp nếu không xuất thân Quân Trường.

...../2.....

- Mute a la BCl a/c du 1.2.49.par AM No ... du Chef d'Esc, Cdt de la 1/4e RAC du 22.1.49.
- Nomme Brigadier Chef a/c du 1.1.49 par Ordre du Corps No 75 en date du 15.1.49 du Lt-Colonel, Cdt du 4e RAC.
- Nomme au grade de Marechal des logis a/c du 1.4.49 par Ordre du Corps No 103 en date du 4.4.49 du Lt-Colonel, Cdt du 4e RAC.
- Titulaire du P.II, classe en echelle de solde No II par NDS No 3324/CI en date du 30.5.49 du Colonel, Cdt du 4e RAC.
- Rengage pour 6 mois a terme fixe au titre du 4e RAC et p/c du 10.8.49. Contrat homologue le 29.7.49 sous le No 2630.
- Rengage pour 6 mois au titre du 4e RAC a/c du 10.2.50. Contrat homologue au Corps le 18.1.50 sous le No 3338.
- Mute a la 1ere Batterie a/c du 1.6.50 par AM No 1684/GI en date du 27.5.50 du Chef Chef d'Esc, Cdt du 1/4e RAC.
- Rengage pour 1 an au titre du 4e RAC a/c du 10.8.50.
- Du 1/4e RAC dissout, affecte au 2/11e RIC a/c du 1.2.51, en execution des prescriptions de la NDS No 99/EMIFT/1 en date du 17.1.51 du General, Cdt en Chef des FTNII et AM No 879/1 en date du 17.2.51 du Colonel, Cdt de la ZCC, Classe a la 5e Cie.
- Rengage pour 1 an au titre du 2/11e RIC a/c du 10.8.51.
- Rengage pour 6 mois au titre du 2/11e RIC a/c du 10.8.52. Contrat homologue au Corps le 15.8.52 sous le No 1053.
- Nomme au grade de Sergent Chef a/c du 30.9.52 par Ordre general No 537 en date du 30.9.52 du General de Division, Cdt des FTSV.
- Le 2e Bataillon du 11e RIC est dissout le 30.9.52 et devient par transfert le 53e BVM le 1.10.52, en execution des prescriptions de la NDS No 2022/EMIFT/I et 5296/EMIFT/4/1/SC en date du 19.9.52.
- Volontaire pour etre integre dans l'Armee Vietnamienne. Contrat FTEO resilie a/c du 1.10.52, suivant les dispositions de la NDS No 300/EMIFT/F et No 4400/EMIFT/BF/4/AL du 15.12.51.
- Integre dans les FAVN avec le grade de Sous-Lieutenant d'active a/c du 1.1.53 par Arrete presidential No 68/CAB/DN en date du 12.2.53.
- Decede a l'hopital le FIEM le 8.10.53 a 9h15 par suite de blessures recues au service commande dans la nuit du 4 au 5.10.53.
- naye des controles le 9.10.53./-
N

CHIẾN DỊCH	THƯỜNG TÍCH
N E A N T	N E A N T
TUYÊN DƯƠNG CÔNG TRẠNG	HUY CHƯƠNG
N E A N T	N E A N T

Đã xem (1) :

KBC. 4.002 ngày 23 THÁNG 1974

Nhận thực :



TÁ NGUYỄN-TU-LAC
Đang làm việc và Thư-Viện

[Handwritten signature]

(1) Đơn vị Trưởng

BẢN TƯỜNG-MẠO VÀ QUÂN-VỤ

11.10/BVT/DB/3

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
CỦA

Cố Thiệu-Ủy TRẦN-VĂN-UNG

ĐƠN-VỊ

Thiếu-Đoàn 63

Việt-Nam

Số quân

Trích lục theo Quân-bạ, lý lịch của đương-sự

HỌ - TỊCH	NHẬN DẠNG
Sinh ngày 1927 tại Tập Ngãi	Tóc
Quận Ngãi-Thanh	Mắt
Tỉnh Trà-Vinh	Trán
Nghề - nghiệp	Mũi
Con của Ông Trần-văn-HAO	Khuôn mặt
và Bà Nguyễn-thị-SANG	
Nghị tại Tập-Ngãi	
Quận Ngãi-Thanh	
Tỉnh Trà-Vinh	
Kết hôn ngày 06-02-1950 với cô Trần-thị-NGON	CAO, I thước 63
Nghị tại	
Quận Tỉnh Gò-Công	
Giấy phép kết-hôn của Trung-Tá Chỉ-Huy-Trưởng Lê R.A.C	DẤU TÍCH ĐẶC BIỆT

Nguyên lai binh nghiệp (I) Hàng Binh-sĩ

QUÂN VỤ LIÊN TIẾP
Công-vụ trong Quân-Đội Pháp

- Từ 10-8-1946 đến ngày 31-12-1952

Công vụ trong Quân-đội Việt-Nam

- Gia-nhập vào Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa kể từ ngày 1.1.1953 với cấp Thiệu-Ủy hiện dịch và phục-vụ tại Tiểu-Đoàn 63 Việt-Nam do Nghị-định số 68/CAEDN ngày 12-2-1953.

- Tử thương tại Quân Y-Viện Le Flem ngày 8-10-1953 do Bưu-diệp số 22.575/TM/DNKQ/I/CPT ngày 9-10-1953.

(1) Ghi rõ nếu xuất thân ở các trường Võ-Bị sau đây: Sĩ-quan Phả-Lại, Tông, Huế, VBLQDL. TBBTĐ, VBĐP hay ghi là được thăng cấp nếu không xuất thân ở các Quân-Trường bổ túc.

QUÂN VU LIÊN TIẾP

CHIẾN DỊCH	TUYÊN DƯƠNG CÔNG TRẠNG
Từ ngày _____ đến _____	
Từ ngày _____ đến _____	
Từ ngày _____ đến _____	
Từ ngày _____ đến _____	
THƯƠNG TÍCH	

Đã xem (1):

KBC ngày _____ tháng _____ năm 197
NHÂN THỰC

American Council for Nationalities Service

Washington Resettlement Office

8555 - 16th Street, Suite 609, Silver Spring, Md. 20910 Tel: (301) 585-9166

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

Date: July 24, 1984Your Name: Mr/Mrs/Miss TRAN - THI KIM DUNG Phone: (Home)
(Last) (Middle) (First) (Work)Your Address: _____
(Number) (Street) (City/County) (State) (Zip)
SPRINGFIELD VA 22153Date of Birth: 11-14-1941 Place of Birth: SAIGON, VIETNAMDate of Entry to U.S. 6-25-1975 From (Country or Camp) PENDLETON, CALIFORNIA, USAMy Alien Registration Number is 21-288-020 My Naturalization Certificate No. is 11014889Legal Status: Parolee _____ Permanent Resident Alien _____ U.S. Citizen XTHE FOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S.
AS FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE OR CLOSE ASSOCIATE TO THE U.S. OR ASIAN-AMERICANS:

NAME OF PRINCIPAL EMIGRANT	DATE/PLACE OF BIRTH (if any)	RELATION	ADDRESS IN VIETNAM
TRAN QUANG DONG	5/29/1951	GÒ CÔNG, VIETNAM	227/10 XÓ VIET NGHE TỈNH BÌNH THẠNH DISTRICT, HO CHI MINH CITY.

Number of close relatives accompanying Principal Emigrant: THREE (3)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P .A.
1. PHAM THUY TRIEU	9/19/1957	WIFE
2. TRAN QUANG PHAM. DUY	2/20/1977	SON
3. TRAN QUANG PHAM - THAI	9/29/1981	SON

ADDITIONAL INFORMATION:

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of Emigrant)

U.S. GOVERNMENT Agency _____ Last Title/Grade _____
Name/Position of Supervisor _____ / _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation _____
Last Title/Grade: _____ / _____ Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit DEFENSE/AIR FORCE Last Title/Grade AIR CADET
Name/Position of Supervisor _____
Was time spent in re-education camp? Yes _____ No X How long? _____ Years _____ Month _____

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP

School SHEPPARD AFB Location TEXAS, USA
Type of Degree or Certificate UNDERGRADUATE PILOT TRAINING (T-37) COURSE
Dates of Employment or Training 5 / 1973 To 9 / 1974
Month/Year Month/Year

ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____
Full name of the mother: _____ Her age: _____
Address: _____
Full name of the U.S. Citizen Father (if Known): _____
His current address: _____

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Signature: Kiok Date: July 24, 1984

SUBSCRIBED AND SWORN BEFORE ME THIS July 25, 1984 (Date)

Signature of Notary Public Ngoc Bich County of: P.B.

MAI NGOC BICH
NOTARY PUBLIC STATE OF MARYLAND
My commission expires: My Commission Expires July 1, 1985

ROP CHECK FORM

Date: _____

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O.BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: TRUNG QUANG DONG US. ^{Trainer} ~~Employee~~

Date of Birth: _____

Address in VN _____

Spouse Name: _____

Number of Accompanying Relatives: _____

Reeducation Time: _____ Years _____ Months _____ Days

IV # 48896

VEWL # _____

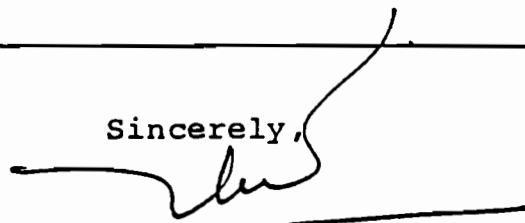
I-171 : _____ Yes: _____ No. - EXIT PERMIT: _____ Yes ; _____ No.

Special List # _____

Sponsor: _____

Remarks:
(From Mr. Sullivan)

Sincerely,



KHUC MINH THO



EMBASSY OF THE
UNITED STATES OF AMERICA
Bangkok, Thailand

Date: - 7 AUG 1986

TRAN QUANG DONG
227/10 Xo Viet Nghe Tinh
P. 17, Q. Binh Thanh
T.P. Ho Chi Minh

Request for Documents

Dear: TRAN QUANG DONG DOB: 1951 IV: 48896

We need the following documents to complete your file. Please send us clear, legible copies of the documents checked below. Do not send originals; do not send us documents we have not checked.

BE SURE TO MARK ALL PAPERS WITH THE FILE NUMBER (IV NUMBER) WRITTEN ABOVE.

- X (1) One copy of the original birth certificate (giay khai sinh) of yourself, and of each family member to accompany you, or of:

(Total: 1 copies)

- (2) One copy of the original of your marriage certificate (giay hon thu).

(Note: A cohabitation certificate (chung chi song chung) is not acceptable. Also, if you or any other family member was previously married, we need evidence that the previous marriage was lawfully ended: one copy of the death certificate (giay chung tu) of the former spouse(s), or one copy of the divorce decree (giay ly di).

- X (3) Copies of pre-1975 government identity (ID) cards (the can cuoc) of yourself and of all family members who were issued such ID cards.

- X (4) Copies of post-1975 government identity (ID) cards (giay chung minh nhan dan) of yourself and of all family members who have been issued such ID cards.

- (5) One copy of the original of your household census book (ho khau).

NOTE: (1-5) Birth and marriage certificates and other documents are available from the local authorities. Please go to the authorities who keep the original records and request official copies. We have received enough documents to indicate nearly all pre-1975 civil registries have been preserved.

American Council for Nationalities Service

Washington Resettlement Office

3555 16th Street, Suite 609, Silver Spring, Md. 20910 Tel: 301 585-9166

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

Date: July 24, 1984

Our Name: Mr/Mrs/Miss TRAN TIM DUONG Phone: (Home) _____
 (Last) (Middle) (First) (Work) _____

Your Address: _____ SPRINGFIELD VA 2215
 (Number) (Street) (City/County) (State) (Zip)

Date of Birth: 11-14-1941 Place of Birth: SIGON, VIETNAM

Date of Entry to U.S. 6-28-1975 From (Country or Camp) PENDLETON, CALIFORNIA

My Alien Registration Number is SI-228-020 My Naturalization Certificate No. is 110140

Legal Status: Parolee _____ Permanent Resident Alien _____ U.S. Citizen _____

THE FOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S.
 AS FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE OR CLOSE ASSOCIATE TO THE U.S. OR ASIAN-AMERICANS:

NAME OF PRINCIPAL EMIGRANT	DATE/PLACE OF BIRTH	RELATION (if any)	ADDRESS IN VIETNAM
<u>TRAN DUONG LONG</u>	<u>5/29/1951</u>	<u>GO CONG</u>	<u>224/10 XU VIET NGHIE</u>
		<u>VIETNAM</u>	<u>BINH THANH DISTRICT</u>
			<u>HO CHI MINH CITY</u>

close relatives accompanying Principal Emigrant: THREE (3)

PENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P .A.
<u>PHAM THUY TRIEU</u>	<u>9/19/1957</u>	<u>WIFE</u>
<u>TRAN QUANG PHAM DUU</u>	<u>2/20/1977</u>	<u>SON</u>
<u>TRAN QUANG PHAM THAI</u>	<u>9/29/1981</u>	<u>SON</u>

ADDITIONAL INFORMATION:

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of Emigrant)

U.S. GOVERNMENT Agency _____ Last Title/Grade _____
Name/Position of Supervisor _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation _____
Last Title/Grade: _____ Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit DEFENSE/AIR FORCE Last Title/Grade AI
Name/Position of Supervisor: _____
Was time spent in re-education camp? Yes _____ No X How long? _____ Years _____ Month _____

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP

School SHEPPARD AFB Location TEXAS USA
Type of Degree or Certificate PILOT TRAINING (T-37) COURSE
Dates of Employment or Training 5/1973 to 9/1974
Month/Year Month/Year

ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____
Full name of the mother: _____ Her age: _____
Address: _____
Full name of the U.S. Citizen Father (if known): _____
His current address: _____

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Signature: [Signature] Date: July 24, 1984

SUBSCRIBED AND SWORN BEFORE ME THIS July 25, 1984 (Date)

Notary Public [Signature] County of: P. G.
MAI NGOC BICH
NOTARY PUBLIC STATE OF MARYLAND
My Commission Expires July 1, 1986
commission expires: _____



CERTIFICATE OF AERONAUTICAL RATING

FROM THE DEPARTMENT OF THE AIR FORCE OF THE UNITED STATES OF AMERICA

TO ALL WHO SHALL SEE THESE PRESENTS, GREETINGS:

THIS IS TO CERTIFY THAT

Air Cadet Tran Quang Dong 30594VS

HAS SATISFACTORILY COMPLETED THE
PRESCRIBED COURSES OF INSTRUCTION
OF THE AIR TRAINING COMMAND.

SPECIALIZING IN

Undergraduate Pilot Training

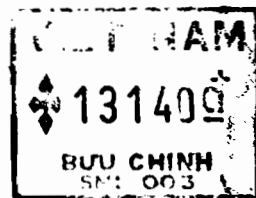
IN TESTIMONY WHEREOF AND BY VIRTUE OF
VESTED AUTHORITY I DO CONFER UPON HIM THIS
DIPLOMA AND THE AERONAUTICAL RATING OF:

Pilot

GIVEN AT Sheppard Air Force Base, Texas ON THIS Twelfth
DAY OF September IN THE YEAR OF OUR LORD ONE THOUSAND
NINE HUNDRED AND Seventy-Four

James M. Anthony

FR: TRẦN QUANG ĐỒNG
220/94/63 NGUYỄN NGHE TỈNH F 21
Bình Thạnh - TP HỒ CHÍ MINH.



PAR AVION

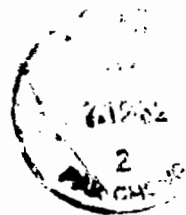
EXPRESS

TO: TRẦN THỊ KIM DUNG
c/o PAKCHONG COMMERCIAL SCHOOL
PAKCHONG DISTRICT NAKHONNACHASI



PAR AVION VIA AIR MAIL

30130
THAILAND.



Trigôn ngày 30. 11. 1993.
Kính cô

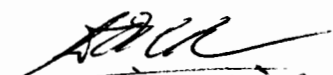
Trước cho con kính từ thăm mẹ khỏe của cô,
nghe tin mẹ, lâu lắm rồi con không thư thăm cô.
thật là thật lẽ, nhưng con cũng biết cô có rất
nhiều việc phải lo toan, nên con không dám tốn
mất thời giờ của cô. Con vẫn thường ghé thăm
mất, hôm về nhà đưa con của mình, tất cả đều
khỏe, riêng con và 2 con bé duy và hai vẫn
biết thương, con cô làm để lo cho chúng nó, vì
vợ chồng con đã ly thân, người mà buồn quá.

Thưa cô, hôm nay tháng 8, cháu của cô
viết thư thăm cô và cầu mong cô giúp đỡ của cô
về giấy tờ ở ĐP, đó cũng là tài lý vong rông
của chúng con, vì cô bỏ ít thời gian xin dùm con
giấy tờ để con bỏ thuê hồ sơ và chính giấy xin
để được cấp xuất cảnh theo diện ở ĐP. con sẽ
sắp xếp cho cô biết như sau: Tờ giấy WASHINGTON
RESIDENTIAL OFFICE mà cô gửi về cho con năm 1994,
và những giấy tờ con nhờ cô chuyển qua Bangkok
đến năm 1996, họ có gửi cho bạn con ở Mỹ chuyển
về, đúng như số 10 cô nói, IV. 48896. và

Tôi đã ở Mỹ ở Benbrook báo con biết phải bỏ tức
thức giấy tờ và con làm đúng theo họ yêu cầu.
Nhưng con nhớ bạn xin thêm là Letter of introduction
(Lời) thì thêm 3 năm nay con không nhận được, cũng
như những giấy được có quan thiên nguyên cũng
không được. Trong thì chính quyền tin báo cho con
biết phải bỏ tức cái (Lời) gấp. Chỉ có nó ở ở nhà
bà không được. Xit cho xuất cảnh. Do đó sau
nó quên biết của cô, như cô xin thêm cho con tờ
Lời ở tôi đã ở Mỹ từ Benbrook, hay là cô xin
bên có quan thiên nguyên ở Hottky để con bỏ tức
giấy cho đầy đủ. Vì mấy tháng bạn cũng khoa học
lại máy bay với con ở Sheppard AFB Texas. Thế
người quen ở nước ngoài đều xin được tờ Lời, bỏ tức
chúng nó đang chờ đi Mỹ. Thừa cô, con đã đổi
địa chỉ mới là: TRẦN QUANG ĐÔNG, 220/94/63
Đo. Việt Nghệ Tĩnh. P. 21. Bình Thạnh. TP HCM. và
nó ở: 48896. Sự gấp đó của cô cũng là dịp may
cho con được ra nước ngoài chữa trị bệnh cảm sốt
cho bà Thái. Vì nó bệnh không phải là bệnh anh.

Của thư con rất cảm ơn cô, kính chúc cô
và gia đình luôn sức khỏe.

cháu của cô


TRẦN Q. ĐÔNG

Ngày ngày 30. 11. 1999.
Kính

Trước cho con
nga in 1984. Lâu
chất là thất lễ,
nhiều việc phải

US
Thainee

trên của cô,
thư thăm cô
ít có có cái
đang làm việc

mất thời giờ của cô. Con vẫn thường ghé thăm
nhà, đồng in máy đưa con của mình, tất cả đều
khỏe, riêng con in 1 con bé đang in 1 hai vẫn
biết thường, con có làm để lo cho chúng nó, in
vô chúng con đã tự thân, nghĩ mà buồn quá.

Thư cô, hôm nay tháng 8, cháu của cô
mất thư thăm cô in cần mong cô giúp đỡ của cô
về giấy tờ ở DP, đó cũng là tài lý vọng sống
của chúng con, in cô bỏ ít thời gian in đưa con
giấy tờ để con bỏ tức hồ nó với chính quyền in
để được cấp xuất cảnh theo diện ở DP. con sẽ
nói rõ cho cô biết như sau: Tờ giấy ~~UNSKINTON~~
RESETTLEMENT OFFICE mà cô gửi về cho con năm 1984,
về những giấy tờ con nhờ cô chuyển qua Bangkok
đến năm 1986, họ có gửi cho con con ở Mỹ chuyển
về, đúng như số in cô nói, in 48896. in